TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** §éc lËp - Tù do - H¹nh phóc
Số: 96/2022/QĐST- HNGĐ	*Hạ Long, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

2. Anh Bùi Kim T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: tổ 6, khu T, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 28/12/2003, nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải cho mâu thuẫn của anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị N và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị N

và anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T có 02 con chung là Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 30/11/2004 và Bùi Kim Tuyến, sinh ngày 26/4/2009. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nêu trên của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị N và anh T là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14/9/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị thống nhất giao 02 con chung là Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 30/11/2004 và Bùi Kim Tuyến, sinh ngày 26/4/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Kim T thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000978 ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- UBND xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định